

- 496 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN ĐIỀU**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Phòng, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1969
 Số bằng: UP 471 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 497 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TÁ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hoà, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 31 tháng 3 năm 1954
 Số bằng: ZM 255 bp Quyết định số: 430/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1958
- 498 Liệt sĩ: **LÊ DUY TÂM**
 Binh nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: AG 537 bm Quyết định số: 67/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 499 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN VIỆT**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1975
 Số bằng: UK 341 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 500 Liệt sĩ: **TỔNG NGỌC VỤ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: OĐ 307 bm Quyết định số: 517/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1974
- 501 Liệt sĩ: **TỔNG VĂN ÁU**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1969
 Số bằng: VL 605 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 502 Liệt sĩ: **LẠI ĐỨC BẢNG**
 Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 11 năm 1978
 Số bằng: 8O 421 bt Quyết định số: 509/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979
- 503 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM KHÔI**
 Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1972
 Số bằng: NL 311 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974
- 504 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÔN**
 Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Thanh Phú, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1969
 Số bằng: RH 414 bm Quyết định số: 273/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1976
- 505 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỤC**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1969

Số bằng: PS 987 bm Quyết định số: 395/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1975

506 Liệt sĩ: **TÓNG VĂN TUYỀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1972

Số bằng: HT 268 bm Quyết định số: 445/TTga ngày 16 tháng 10 năm 1973

507 Liệt sĩ: **TRỊNH PHÚC THÁI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1972

Số bằng: HT 278 bm Quyết định số: 445/TTga ngày 16 tháng 10 năm 1973

508 Liệt sĩ: **TÓNG VĂN HẬU**

Đai đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1972

Số bằng: LD 281 bm Quyết định số: 96/TTga ngày 12 tháng 3 năm 1974

509 Liệt sĩ: **VŨ VĂN CHÍNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 3 năm 1978

Số bằng: AB 447 bt Quyết định số: 200/CTKT ngày 13 tháng 6 năm 1984

510 Liệt sĩ: **DƯ TỔNG CỘNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1966

Số bằng: UQ 118 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

511 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOẠCH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lâm, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1972

Số bằng: HI 657 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1974

512 Liệt sĩ: **TÓNG KHẮC TRƯỜNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lâm, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1968

Số bằng: LM 065 bm Quyết định số: 217/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1968

513 Liệt sĩ: **TÓNG VINH PHÚ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1974

Số bằng: UA 709 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

514 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN AN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1970

Số bằng: PS 621 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

515 Liệt sĩ: **MAI XUÂN CÁC**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga An, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1969
Số bằng: BA 036 bm Quyết định số: 244/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1971

516 Liệt sĩ: **ĐINH TRỌNG LUẬT**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1965
Số bằng: CM 208 bm Quyết định số: 035/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1968

517 Liệt sĩ: **TRỊNH LONG VÂN**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lâm, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 5 năm 1950

Số bằng: ZL 359 bp Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1958

518 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC MINH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Long, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1968
Số bằng: BA 356 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 15 tháng 10 năm 1971

519 Liệt sĩ: **VŨ NGỌC HỘI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1969
Số bằng: GK 415 bm Quyết định số: 372/TTga ngày 23 tháng 8 năm 1973

520 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯ**

Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1970

Số bằng: PS 973 bm Quyết định số: 395/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1975

521 Liệt sĩ: **ĐẶNG NGỌC PHÁCH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tân, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1966
Số bằng: MO 406 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 8 tháng 7 năm 1970

522 Liệt sĩ: **ĐẶNG NGỌC TIẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tân, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MI 126 bm Quyết định số: 115/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970

523 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT PHI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1968
Số bằng: SN 579 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

524 Liệt sĩ: **VŨ VĂN HÀNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 8 năm 1968
Số bằng: LH 992 bm Quyết định số: 172/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1974

- 525 Liệt sĩ: **HOÀNG THỊ LÝ**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1969
Số bằng: ĐM 090 cm Quyết định số: 189/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1969
- 526 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐẠI NÁO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZQ 1,954 bp Quyết định số: 257/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1959
- 527 Liệt sĩ: **MAI THÈ ĐIỀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thanh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1971
Số bằng: GD 113 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973
- 528 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG KHAI**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thanh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1969
Số bằng: BF 112 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 529 Liệt sĩ: **MAI VĂN KHANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ba Đình, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1973
Số bằng: HT 299 bm Quyết định số: 445/TTga ngày 16 tháng 10 năm 1973
- 530 Liệt sĩ: **MAI XUÂN HỒNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1969
Số bằng: AP 332 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971
- 531 Liệt sĩ: **CHU ANH THỤ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1974
Số bằng: UO 181 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 532 Liệt sĩ: **TÓNG KIM ĐÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1973
Số bằng: UP 633 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 533 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NĂNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1969
Số bằng: YE 169 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977
- 534 Liệt sĩ: **VŨ VĂN VẠN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1967

Số bằng: UK 232 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

535 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐỨC**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 3 năm 1980

Số bằng: AO 893 bt Quyết định số: 113/CTKT ngày 3 tháng 7 năm 1984

536 Liệt sĩ: **VŨ TRỌNG TÀI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1969

Số bằng: HI 853 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1974

537 Liệt sĩ: **VŨ VĂN HỢI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 4 năm 1979

Số bằng: 9R 545 bt Quyết định số: 493/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

538 Liệt sĩ: **DƯƠNG XUÂN HỢI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1974

Số bằng: TH 519 bm Quyết định số: 12/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1977

539 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỸ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Châu, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1967

Số bằng: LM 135 bm Quyết định số: 217/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1968

540 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN YÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Điện, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 7 năm 1982

Số bằng: S 714 bt Quyết định số: 397/CTKT ngày 9 tháng 11 năm 1983

541 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN ÊN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Lư, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1975

Số bằng: UP 269 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

542 Liệt sĩ: **HÀ VĂN ÁY**

Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Điện, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1974

Số bằng: QT 557 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1976

543 Liệt sĩ: **PHẠM BÁ CHÍNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Điện, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1970

Số bằng: UH 779 bm Quyết định số: 116/TTga ngày 4 tháng 3 năm 1977

544 Liệt sĩ: **HÀ VĂN KHƯƠNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Lư, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LA 559 bm Quyết định số: 237/TTga ngày 14 tháng 5 năm 1974

545 Liệt sĩ: **LỮ VĂN PHIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1968
Số bằng: BF 488 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

546 Liệt sĩ: **LỮ VĂN HỒM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1975
Số bằng: RH 378 bm Quyết định số: 273/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1976

547 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN LÝ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1974
Số bằng: TH 635 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1976

548 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN XIÊN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1972
Số bằng: RH 322 bm Quyết định số: 273/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1976

549 Liệt sĩ: **CAO VĂN CẨM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1972
Số bằng: TI 474 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

550 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NÔM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 2 năm 1979
Số bằng: BK 634 bt Quyết định số: 79/CTKT ngày 6 tháng 5 năm 1987

551 Liệt sĩ: **VI VĂN PHỤC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1971
Số bằng: GC 213 bm Quyết định số: 251/TTga ngày 21 tháng 6 năm 1973

552 Liệt sĩ: **VI VĂN MỚI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Điện, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1972
Số bằng: LA 683 bm Quyết định số: 237/TTga ngày 14 tháng 5 năm 1974

553 Liệt sĩ: **PHẠM BÁ SINH**

Trung đội trưởng, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1972
Số bằng: HA 350 bm Quyết định số: 472/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973

- 554 Liệt sĩ: **LŨ VĂN XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1972
Số bằng: HI 800 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1974
- 555 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN KHÁY**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1968
Số bằng: KX 512 bm Quyết định số: 71/TTga ngày 25 tháng 2 năm 1974
- 556 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN TIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Lư, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1971
Số bằng: NA 585 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1974
- 557 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Lư, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1970
Số bằng: HP 456 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974
- 558 Liệt sĩ: **HÀ NGỌC HIẾU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Lư, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 7L 121 bt Quyết định số: 1389/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978
- 559 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN NÓI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Lư, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1972
Số bằng: HI 722 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1974
- 560 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CÚC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lập, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1972
Số bằng: ON 824 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1975
- 561 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÀNH**
Trung đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1967
Số bằng: AM 988 km Quyết định số: 169/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1970
- 562 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TÀI**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MA 659 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970
- 563 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUANG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: OA 476 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

- 564 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH VÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Anh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 8B 358 bt Quyết định số: 256/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1979
- 565 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ KIM**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Hoàng Anh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1973
Số bằng: DS 621 cm Quyết định số: 320/TTg ngày 26 tháng 5 năm 1995
- 566 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÁI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Anh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1966
Số bằng: SE 784 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976
- 567 Liệt sĩ: **LÊ DUY ĐĂNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Anh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1969
Số bằng: UP 397 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 568 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÌNH**
Công nhân công trường 575- ban xây dựng 64, Nguyên quán: xã Hoàng Anh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 1 năm 1978
Số bằng: A 144 ct Quyết định số: 252/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982
- 569 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ CAI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Anh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NA 693 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1974
- 570 Liệt sĩ: **HOÀNG THẾ PHIỆT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1970
Số bằng: GX 357 bm Quyết định số: 435/TTga ngày 9 tháng 10 năm 1973
- 571 Liệt sĩ: **LÊ ANH TRÔNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1972
Số bằng: YD 115 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 572 Liệt sĩ: **LÊ HUY MÍNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1971
Số bằng: ĐR 587 bm Quyết định số: 32/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1973
- 573 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ TỰ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1970

Số bằng: OK 853 bm Quyết định số: 23/TTGa ngày 21 tháng 1 năm 1975

574 Liệt sĩ: **PHÙNG MINH GIANG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1972

Số bằng: ĐV 980 bm Quyết định số: 68/TTGa ngày 27 tháng 2 năm 1973

575 Liệt sĩ: **PHÙNG ĐÌNH CHIỀU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1968

Số bằng: MĐ 824 bm Quyết định số: 109/TTGa ngày 7 tháng 5 năm 1970

576 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ÁI**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Hải, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1970

Số bằng: KV 372 bm Quyết định số: 152/TTGa ngày 11 tháng 4 năm 1974

577 Liệt sĩ: **HOÀNG THẾ THƯỢNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 7 năm 1980

Số bằng: 7AA 374 bt Quyết định số: 77/CTKT ngày 4 tháng 11 năm 1981

578 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HUYỀN**

Chủ nhiệm công binh trung đoàn, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1967

Số bằng: CL 376 bm Quyết định số: 301/TTGa ngày 25 tháng 7 năm 1972

579 Liệt sĩ: **LÊ DANH BÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1970

Số bằng: SN 743 bm Quyết định số: 520/TTGa ngày 17 tháng 11 năm 1976

580 Liệt sĩ: **LÊ NĂNG TIỆN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 7 năm 1985

Số bằng: BB 599 bt Quyết định số: 07/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1986

581 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 6 năm 1986

Số bằng: CA 304 bt Quyết định số: 139/CTKT ngày 6 tháng 2 năm 1988

582 Liệt sĩ: **LÊ VĂN YẾN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1967

Số bằng: NK 803 bm Quyết định số: 382/TTGa ngày 22 tháng 7 năm 1974

583 Liệt sĩ: **LÊ TOÀN ĐẮC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1973
Số bằng: SE 201 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

584 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN THẢO**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1969
Số bằng: KS 655 bm Quyết định số: 170/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1974

585 Liệt sĩ: **LÊ DANH TỤC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 08 năm 1949

Số bằng: GT 947 bp Quyết định số: 349/TTga ngày 26 tháng 04 năm 2005

586 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC XUM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1972
Số bằng: KD 449 bm Quyết định số: 509/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973

587 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CẮC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1968
Số bằng: MA 541 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

588 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC TUẤN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1972
Số bằng: SE 749 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

589 Liệt sĩ: **LÊ SỸ LƯU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MĐ 914 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970

590 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN ĐỖ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1970
Số bằng: BF 255 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

591 Liệt sĩ: **LÊ SỸ LƯƠNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MĐ 916 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970

592 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN TRƯỜNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1969
Số bằng: TK 430 bm Quyết định số: 31/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

- 593 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC QUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9N 187 bt Quyết định số: 249/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980
- 594 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN SÁCH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1969
Số bằng: UP 065 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 595 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG NGỌC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1965
Số bằng: MZ 805 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971
- 596 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG TOÁN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1968
Số bằng: AG 255 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1971
- 597 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG THẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1967
Số bằng: TH 720 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1976
- 598 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN PHƠN**
Chính trị viên trung đội, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1968
Số bằng: GR 938 bm Quyết định số: 519/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973
- 599 Liệt sĩ: **ĐỖ THỊ THẢO**
Thanh niên xung phong chống mỹ, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1972
Số bằng: IM 242 cm Quyết định số: 04/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1973
- 600 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN LÀNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1967
Số bằng: UL 100 bm Quyết định số: 151/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 601 Liệt sĩ: **LÊ ĐĂNG ON**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1969
Số bằng: PS 622 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975
- 602 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BA**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1968
Số bằng: NV 109 bm Quyết định số: 429/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1974

- 603 Liệt sĩ: **LÊ QUÝ NHÂN**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1972
 Số bằng: UK 462 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 604 Liệt sĩ: **LÊ CHÍ ĐỀ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 8 năm 1982
 Số bằng: S 844 bt Quyết định số: 397/CTKT ngày 9 tháng 11 năm 1983
- 605 Liệt sĩ: **LÊ CHÍ NGỌC**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1972
 Số bằng: SN 555 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976
- 606 Liệt sĩ: **LÊ CHÍ LẠI**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1971
 Số bằng: NP 384 bm Quyết định số: 381/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1974
- 607 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU NÊ**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1972
 Số bằng: NP 988 bm Quyết định số: 415/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1974
- 608 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH NEM**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1972
 Số bằng: SN 770 bm Quyết định số: 579/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 609 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỮU**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1967
 Số bằng: AV 616 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971
- 610 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC NHIỀU**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1971
 Số bằng: ĐB 191 bm Quyết định số: 387/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972
- 611 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THÀNH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1975
 Số bằng: TH 754 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 612 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÌNH**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1967

Số bằng: 8I 013 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979

613 Liệt sĩ: **ĐỒNG KHẮC HẠNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1970

Số bằng: UL 642 bm Quyết định số: 226/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

614 Liệt sĩ: **PHẠM BÁ TỜ**

Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1970

Số bằng: KS 613 bm Quyết định số: 170/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1974

615 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC SƠN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 11 năm 1977

Số bằng: 8B 257 bt Quyết định số: 256/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1979

616 Liệt sĩ: **ĐỒNG KHẮC TRẠM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1972

Số bằng: HR 487 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1973

617 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN THUẦN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 12 năm 1951

Số bằng: ZL 858 bp Quyết định số: 375/TTg ngày 8 tháng 1 năm 1958

618 Liệt sĩ: **MAI XUÂN NGŨ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1972

Số bằng: PL 530 bm Quyết định số: 394/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1975

619 Liệt sĩ: **MẠCH VĂN LINH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1970

Số bằng: 5S 426 bm Quyết định số: 1032/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

620 Liệt sĩ: **HOÀNG LỢI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1965

Số bằng: ĐR 568 bm Quyết định số: 09/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1973

621 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG LIÊM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1968

Số bằng: TH 644 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1976

622 Liệt sĩ: **CAO VĂN SƠN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1974
Số bằng: TG 641 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1977

623 Liệt sĩ: **MẠCH VĂN ĐỒNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9M 792 bt Quyết định số: 200/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

624 Liệt sĩ: **ĐOÀN CÔNG VIỆT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1974
Số bằng: OP 626 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1975

625 Liệt sĩ: **VÕ NGỌC VĂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1968
Số bằng: TK 148 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

626 Liệt sĩ: **ĐOÌ THỂ HỘI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1969
Số bằng: PS 778 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

627 Liệt sĩ: **MAI THÁI TIỆP**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1966
Số bằng: BF 370 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

628 Liệt sĩ: **VŨ TRUNG TUẦN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LT 109 bm Quyết định số: 186/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1974

629 Liệt sĩ: **LÊ MINH KHÂM**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Minh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1969
Số bằng: BF 297 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

630 Liệt sĩ: **LÊ THANH BÌNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Minh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1969
Số bằng: UG 943 bm Quyết định số: 239/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

631 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Minh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 3 năm 1985
Số bằng: BH 604 bt Quyết định số: 300/CTKT ngày 5 tháng 11 năm 1986

- 632 Liệt sĩ: **TRẦN HỒNG HẢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Trung, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1969
Số bằng: BF 441 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972
- 633 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRI PHƯƠNG**
Công nhân ban xây dựng 64, Bộ giao thông vận tải, Nguyên quán: xã Trường Trung, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1965
Số bằng: HM 238 cm Quyết định số: 194/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971
- 634 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU QUANG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Trung, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1965
Số bằng: EA 110 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1973
- 635 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG DƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Trung, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1968
Số bằng: SM 082 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969
- 636 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU GIAO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1968
Số bằng: EK 732 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973
- 637 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUYỀN THỐNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 3 năm 1984
Số bằng: AL 986 bt Quyết định số: 13/CTKT ngày 9 tháng 1 năm 1985
- 638 Liệt sĩ: **TRỊNH NGỌC GIA**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1972
Số bằng: UK 522 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1977
- 639 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN ĐIỀM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Định, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 01 năm 1950
Số bằng: ĐX 644 bp Quyết định số: 348/TTga ngày 29 tháng 03 năm 1999
- 640 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐIỀN**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1972
Số bằng: QI 505 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 5 tháng 2 năm 1976
- 641 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỐC**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1972
Số bằng: RH 580 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1976

642 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN DƯ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1974
Số bằng: PH 803 bm Quyết định số: 281/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1975

643 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN ĐỒNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1968
Số bằng: CY 845 bm Quyết định số: 418/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1972

644 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN SẴN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: YE 256 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

645 Liệt sĩ: **MAI KIM HÙNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1971
Số bằng: UO 682 bm Quyết định số: 174/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

646 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1974
Số bằng: UP 098 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

647 Liệt sĩ: **MAI VĂN ĐƯỚC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 3 năm 1952
Số bằng: ZL 834 bp Quyết định số: 375/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1958

648 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MÔN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NB 570 bm Quyết định số: 311/TTga ngày 18 tháng 6 năm 1974

649 Liệt sĩ: **MAI VĂN CA**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1969
Số bằng: UQ 061 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

650 Liệt sĩ: **VŨ BÍ THƯ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 4 năm 1954
Số bằng: DZ 604 bp Quyết định số: 327/TTga ngày 12 tháng 19 năm 1962

- 651 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN YÊU**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HI 921 bm Quyết định số: 574/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973
- 652 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TÝ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1973
Số bằng: ĐN 458 bm Quyết định số: 995/TTg ngày 22 tháng 11 năm 1997
- 653 Liệt sĩ: **MAI THỊ QUY**
Dân công, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1971
Số bằng: LA 545 cm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974
- 654 Liệt sĩ: **VŨ VĂN KHUÊ**
Dân công, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1972
Số bằng: MM 405 cm Quyết định số: 455/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1974
- 655 Liệt sĩ: **MAI VĂN LAI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1972
Số bằng: PH 883 bm Quyết định số: 293/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1975
- 656 Liệt sĩ: **MAI VĂN CẤP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1972
Số bằng: UE 407 bm Quyết định số: 215/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 657 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGỌC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1972
Số bằng: UA 901 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 658 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VỰC**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 03 năm 1953
Số bằng: HB 969 CP Quyết định số: 741/TTga ngày 18 tháng 05 năm 2006
- 659 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SON**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1973
Số bằng: OK 690 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975
- 660 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SEN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1972
Số bằng: UP 135 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

- 661 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHIẾN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1968
Số bằng: BE 296 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1971
- 662 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY KHƯƠNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1971
Số bằng: UQ 367 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977
- 663 Liệt sĩ: **MAI HỮU NHON**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1969
Số bằng: UR 035 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 664 Liệt sĩ: **MAI QUANG NÙNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HT 608 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973
- 665 Liệt sĩ: **MAI XUÂN THẮNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1975
Số bằng: TH 735 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1976
- 666 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG THẮNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1970
Số bằng: YG 020 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977
- 667 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KIM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1969
Số bằng: AL 878 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971
- 668 Liệt sĩ: **ĐÀO NGỌC LAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1970
Số bằng: ĐN 755 bm Quyết định số: 482/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972
- 669 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TRỢ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 4 năm 1975
Số bằng: RH 646 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1976
- 670 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÁI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1973

Số bằng: HP 567 bm Quyết định số: 109/TTGa ngày 16 tháng 3 năm 1974

671 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH TÂM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1974

Số bằng: QK 898 bm Quyết định số: 28/TTGa ngày 29 tháng 1 năm 1976

672 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1971

Số bằng: VA 082 bm Quyết định số: 181/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977

673 Liệt sĩ: **VŨ VĂN GIANG**

Y tá Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 7 năm 1984

Số bằng: AO 924 bt Quyết định số: 113/CTKT ngày 3 tháng 7 năm 1984

674 Liệt sĩ: **THỊNH HÙNG THẮNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 3 năm 1979

Số bằng: 9N 360 bt Quyết định số: 243/TTGa ngày 7 tháng 4 năm 1980

675 Liệt sĩ: **PHAN THANH VỘI**

Trợ lý tác chiến tiểu đoàn, Nguyên quán: xã Nga An, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968

Số bằng: ĐN 799 bm Quyết định số: 482/TTGa ngày 1 tháng 12 năm 1972

676 Liệt sĩ: **MAI VĂN TỰ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Tân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1973

Số bằng: 2Đ 578 bm Quyết định số: 1130/TTGa ngày 7 tháng 10 năm 1977

677 Liệt sĩ: **MAI TUYỀN**

Dân quân du kích, Nguyên quán: xã Nga Mỹ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 8 năm 1945

Số bằng: ZB 2,768 kp Quyết định số: 02/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960

678 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC LỢI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thanh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1969

Số bằng: PH 896 bm Quyết định số: 293/TTGa ngày 28 tháng 7 năm 1975

679 Liệt sĩ: **VŨ NGỌC PHƯƠNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thanh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1968

Số bằng: OK 790 bm Quyết định số: 23/TTGa ngày 21 tháng 1 năm 1975

680 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH THOAN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Nhân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1971
Số bằng: EO 089 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1973

681 Liệt sĩ: **MAI VĂN TÂN**

Hạ sĩ Công an nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1967
Số bằng: ĐP 303 cm Quyết định số: 83/TTga ngày 2 tháng 0 năm 1998

682 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÁU**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1969
Số bằng: UP 381 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

683 Liệt sĩ: **MAI NGỌC THÔNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thái, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NU 439 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 21 tháng 9 năm 1974

684 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN SƠN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thái, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1970
Số bằng: ĐN 730 bm Quyết định số: 482/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972

685 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC LONG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thái, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 9 năm 1968
Số bằng: CV 357 bm Quyết định số: 175/CTKT ngày 6 tháng 7 năm 1991

686 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC NGUYỄN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thái, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1969
Số bằng: EP 755 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973

687 Liệt sĩ: **CAO ĐỨC THẮNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Văn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1969
Số bằng: KD 551 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973

688 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÁN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1971
Số bằng: NB 504 bm Quyết định số: 311/TTga ngày 18 tháng 6 năm 1974

689 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHOÁT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1968
Số bằng: PY 065 bm Quyết định số: 395/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1975

690 Liệt sĩ: **ĐƯƠNG PHÚ HẰNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1969
Số bằng: ĐR 341 bm Quyết định số: 05/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1973

691 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MAI**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 9 năm 1978

Số bằng: 9N 065 bt Quyết định số: 208/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

692 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHƠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Dân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 04 năm 1954

Số bằng: GK 966 bp Quyết định số: 456/TTga ngày 12 tháng 05 năm 2004

693 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN THIỀNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1970

Số bằng: LS 901 bm Quyết định số: 275/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1974

694 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH BA**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1970

Số bằng: CP 577 bm Quyết định số: 297/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

695 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH ĐINH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1972

Số bằng: KV 480 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1974

696 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUANG VINH**

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1974

Số bằng: PG 132 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 1 tháng 7 năm 1975

697 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH VIỆT**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1970

Số bằng: GD 661 bm Quyết định số: 325/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1973

698 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH BÔNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1967

Số bằng: LM 073 bm Quyết định số: 217/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1968

699 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH OANH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1969

Số bằng: CP 675 bm Quyết định số: 297/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

- 700 **Liệt sĩ: ĐOÀN VĂN NHUỆ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1970
 Số bằng: GX 685 bm Quyết định số: 486/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973
- 701 **Liệt sĩ: LÊ THẾ MINH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1971
 Số bằng: GĐ 629 bm Quyết định số: 325/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1973
- 702 **Liệt sĩ: DƯƠNG ĐÌNH CHUNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1970
 Số bằng: TK 035 bm Quyết định số: 578/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 703 **Liệt sĩ: DƯƠNG VĂN LONG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1967
 Số bằng: LM 927 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1969
- 704 **Liệt sĩ: DƯƠNG ĐÌNH NHÂM**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1969
 Số bằng: MK 898 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1970
- 705 **Liệt sĩ: DƯƠNG KHẮC TÌNH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1969
 Số bằng: EA 146 bm Quyết định số: 77/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973
- 706 **Liệt sĩ: LÊ XUÂN TAO**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: UP 921 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 707 **Liệt sĩ: DƯƠNG VĂN HỘI**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1966
 Số bằng: EM 704 bm Quyết định số: 102/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1968
- 708 **Liệt sĩ: DƯƠNG NGỌC AN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1969
 Số bằng: ĐV 959 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1973
- 709 **Liệt sĩ: LÊ VĂN THÀNH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1972

Số bằng: EA 234 bm Quyết định số: 77/TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1973

710 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỰC**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 2 năm 1984

Số bằng: AL 982 bt Quyết định số: 13/CTKT ngày 9 tháng 1 năm 1985

711 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN TRƯỞNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968

Số bằng: EA 212 bm Quyết định số: 77/TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1973

712 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN CHUNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1975

Số bằng: 2K 039 bm Quyết định số: 1313/TTGa ngày 24 tháng 10 năm 1977

713 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC LẠC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1968

Số bằng: BE 186 bm Quyết định số: 265/TTGa ngày 11 tháng 11 năm 1971

714 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN LẠC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1968

Số bằng: 3AA 761 bm Quyết định số: 138/TTGa ngày 15 tháng 4 năm 1981

715 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN ĐẮM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1968

Số bằng: AV 543 bm Quyết định số: 264/TTGa ngày 15 tháng 11 năm 1971

716 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LONG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1967

Số bằng: LM 920 bm Quyết định số: 519/TTGa ngày 11 tháng 2 năm 1969

717 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÝ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Thị trấn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1970

Số bằng: 2Đ 557 bm Quyết định số: 1130/TTGa ngày 7 tháng 10 năm 1977

718 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÝ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tiểu khu Điện Biên, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1969

Số bằng: UH 555 bm Quyết định số: 117/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1977

719 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÌNH**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Khu Ba Đình, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1969
Số bằng: TK 257 bm Quyết định số: 569/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1976

720 Liệt sĩ: **TÔNG QUỐC HÙNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Khu Ba Đình, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1971
Số bằng: QK 886 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 29 tháng 1 năm 1976

721 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH ĐỒNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Vận, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1972
Số bằng: NU 324 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 21 tháng 9 năm 1974

722 Liệt sĩ: **ĐỖ THẾ HÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Phúc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MĐ 879 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970

723 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY HỢP**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KO 311 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974

724 Liệt sĩ: **VŨ VĂN NGOAN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Hưng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7L 230 bt Quyết định số: 1505/TTga ngày 29 tháng 12 năm 1978

725 Liệt sĩ: **LÊ MINH ĐƯỜNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1970
Số bằng: KL 066 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974

726 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HÙNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1968
Số bằng: OT 854 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1975

727 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHỨC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1970
Số bằng: SA 713 bm Quyết định số: 393/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

728 Liệt sĩ: **CAO VĂN BA**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1975
Số bằng: RH 591 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1976

- 729 **Liệt sĩ: NGUYỄN DUY HY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 7 năm 1947
Số bằng: ZQ 4,995 bp Quyết định số: 02/TTGa ngày 1 tháng 1 năm 1960
- 730 **Liệt sĩ: TRẦN NGỌC AN**
Trợ lý tổ chức trung đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1967
Số bằng: LD 694 bm Quyết định số: 141/TTGa ngày 4 tháng 4 năm 1974
- 731 **Liệt sĩ: NGUYỄN QUANG VIỆT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1975
Số bằng: PZ 619 bm Quyết định số: 424/TTGa ngày 21 tháng 10 năm 1975
- 732 **Liệt sĩ: LÊ VĂN THẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Trường, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 3 năm 1951
Số bằng: ZB 682 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 4 tháng 3 năm 1957
- 733 **Liệt sĩ: NGUYỄN DUY DỤ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1968
Số bằng: BF 245 bm Quyết định số: 11/TTGa ngày 6 tháng 1 năm 1972
- 734 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TỰ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyên quán: xã Phụng Nghi, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1967
Số bằng: IM 332 bm Quyết định số: 179/TTGa ngày 1 tháng 10 năm 1968
- 735 **Liệt sĩ: NGUYỄN KHẮC ĐOÀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 8 năm 1969
Số bằng: BE 130 bm Quyết định số: 265/TTGa ngày 11 tháng 11 năm 1971
- 736 **Liệt sĩ: LÊ NGỌC QUÁN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1970
Số bằng: GK 473 bm Quyết định số: 372/TTGa ngày 23 tháng 8 năm 1973
- 737 **Liệt sĩ: LÊ ĐÌNH AN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 10 năm 1952
Số bằng: ZQ 4,934 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 1 tháng 1 năm 1960
- 738 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỮU THỰC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1970

Số bằng: TH 899 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

739 Liệt sĩ: **PHẠM TRUNG HÙNG**

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 1 năm 1988

Số bằng: CI 053 bt Quyết định số: 08/CTKT ngày 1 tháng 2 năm 1990

740 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH CHUYỀN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1972

Số bằng: KL 124 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974

741 Liệt sĩ: **LÊ THANH SƠN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 2 năm 1979

Số bằng: 9R 806 bt Quyết định số: 492/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

742 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LÂM**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 1 năm 1973

Số bằng: LD 313 bm Quyết định số: 96/TTga ngày 12 tháng 3 năm 1974

743 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VINH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1972

Số bằng: HR 502 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1973

744 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỒNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1968

Số bằng: LS 596 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1974

745 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU ĐƯỜNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1968

Số bằng: NU 326 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 21 tháng 9 năm 1974

746 Liệt sĩ: **ĐÀM HỮU HIỀN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thịnh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1973

Số bằng: PS 760 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

747 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY SINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thịnh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1966

Số bằng: ĐR 691 bm Quyết định số: 32/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1973

748 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CÁT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thịnh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KL 254 bm Quyết định số: 549/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1973

749 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thịnh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1967
Số bằng: UK 406 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

750 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NGẠC**

Dân công hoả tuyến, Nguyên quán: xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 8 năm 1950
Số bằng: ĐG 661 cp Quyết định số: 279/TTg ngày 4 tháng 9 năm 1997

751 Liệt sĩ: **ĐÀM LÊ TUẤN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thịnh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1975
Số bằng: VA 119 bm Quyết định số: 181/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

752 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẮC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Vệ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1971
Số bằng: LS 482 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1974

753 Liệt sĩ: **VŨ VĂN CƯƠNG**

Dân quân du kích, Nguyên quán: xã Hà Vinh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 5 năm 1953
Số bằng: ZD 223 kp Quyết định số: 135/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1963

754 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH DŨNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuần Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1968
Số bằng: QT 621 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1976

755 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Điện Biên, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1975
Số bằng: TK 622 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977

756 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN ĐỆT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Vân, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1972
Số bằng: PS 711 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

757 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC TUYẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Vân, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 3 năm 1981
Số bằng: A 107 bt Quyết định số: 252/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982

- 758 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CẦU**
 Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Hưng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1972
 Số bằng: HR 204 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973
- 759 Liệt sĩ: **LÃ ĐÌNH QUÝ**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Duyên Hưng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 5 năm 1947
 Số bằng: GZ 802 bp Quyết định số: 110/TTga ngày 8 tháng 4 năm 1964
- 760 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẠO**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Vệ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 1 năm 1952
 Số bằng: ZT 231 bp Quyết định số: 102/TTg ngày 5 tháng 5 năm 1960
- 761 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỌC**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tiểu khu Ba Đình, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1965
 Số bằng: OR 670 bm Quyết định số: 105/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1975
- 762 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC NINH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tiểu khu Ba Đình, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1970
 Số bằng: KL 445 bm Quyết định số: 566/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973
- 763 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUANG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Vệ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1973
 Số bằng: KO 491 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1974
- 764 Liệt sĩ: **LƯỜNG QUỐC ĐẠT**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Vinh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1971
 Số bằng: CĐ 544 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972
- 765 Liệt sĩ: **LƯƠNG TIẾN QUYNH**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 3 năm 1979
 Số bằng: 9R 791 bt Quyết định số: 492/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980
- 766 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGUYỆT**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1971
 Số bằng: HT 580 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973
- 767 Liệt sĩ: **LƯƠNG PHÚ QUÝ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1969
Số bằng: PS 903 bm Quyết định số: 377/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975

768 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN MÔN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 8B 195 bt Quyết định số: 247/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1979

769 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN HỒ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AG 298 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1971

770 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VINH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1968
Số bằng: UK 351 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

771 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC HAI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1972
Số bằng: NP 343 bm Quyết định số: 381/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1974

772 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHUÊ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 9 năm 1987
Số bằng: CA 345 bt Quyết định số: 139/CTKT ngày 6 tháng 2 năm 1988

773 Liệt sĩ: **HÀ VĂN ỐC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Nang, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1968
Số bằng: HB 143 bm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

774 Liệt sĩ: **HÀ VĂN YÊM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1974
Số bằng: TK 520 bm Quyết định số: 31/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

775 Liệt sĩ: **VI VĂN NHUNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1968
Số bằng: RH 342 bm Quyết định số: 273/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1976

776 Liệt sĩ: **LÊ SỸ TÂM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1972
Số bằng: NK 830 bm Quyết định số: 382/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1974

- 777 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HẰNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Nang, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1969
Số bằng: UL 640 bm Quyết định số: 226/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 778 Liệt sĩ: **NGÂN VĂN THÀNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Nang, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 9 năm 1969
Số bằng: UK 755 bm Quyết định số: 227/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 779 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC CHUNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Nang, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1975
Số bằng: 2K 041 bm Quyết định số: 1313/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977
- 780 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN PHÒNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Khương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9R 762 bt Quyết định số: 492/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980
- 781 Liệt sĩ: **LÒ VĂN NANG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Khương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 1 năm 1973
Số bằng: UO 482 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 782 Liệt sĩ: **LÒ VĂN CHON**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Khương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1974
Số bằng: QR 494 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 25 tháng 3 năm 1976
- 783 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DŨNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Khương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968
Số bằng: AP 311 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971
- 784 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LÁ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Khương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972
Số bằng: PS 802 bm Quyết định số: 377/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975
- 785 Liệt sĩ: **VI VĂN KHIÊN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Khương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1964
Số bằng: IZ 121 bm Quyết định số: 88/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1966
- 786 Liệt sĩ: **VI VĂN XUM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Yên Thắng, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 11 năm 1951

Số bằng: DH 001 kp Quyết định số: 24/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1993

- 787 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN TẮM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1969
Số bằng: BF 174 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 788 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN NHÃN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UK 457 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 789 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN HUỆ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1973
Số bằng: UO 592 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 790 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN LÁ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 6 năm 1978
Số bằng: DM 543 bt Quyết định số: 206/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1994
- 791 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN PHỒN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1969
Số bằng: PL 550 bm Quyết định số: 394/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1975
- 792 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HẢI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Khương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1973
Số bằng: QK 867 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 29 tháng 1 năm 1976
- 793 Liệt sĩ: **HÀ MINH ĐĂNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1971
Số bằng: PG 037 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 1 tháng 7 năm 1975
- 794 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TÌNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 4 năm 1961
Số bằng: EM 842 bm Quyết định số: 102/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1968
- 795 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN NHƯ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1969
Số bằng: UR 040 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 796 Liệt sĩ: **VI THANH SUM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1968
Số bằng: UP 257 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

797 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN TỨ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UP 873 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

798 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG NHẬT**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 07 năm 1962
Số bằng: EV 600 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 11 tháng 04 năm 2002

799 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ẨM**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1970
Số bằng: QI 465 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 5 tháng 2 năm 1976

800 Liệt sĩ: **LÊ HUÂN NHÂM**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1972
Số bằng: GR 145 bm Quyết định số: 427/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

801 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THÌN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1975
Số bằng: YG 078 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

802 Liệt sĩ: **HÀ ĐỨC THỌ**

Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1971

Số bằng: YG 086 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

803 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUYỀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 8 năm 1983
Số bằng: AK 596 bt Quyết định số: 426/CTKT ngày 12 tháng 12 năm 1984

804 Liệt sĩ: **HÀ DUY CƯ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HI 695 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1974

805 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THẮNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1964
Số bằng: GZ 838 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1964

- 806 **Liệt sĩ: LÒ VĂN TƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HR 463 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1973
- 807 **Liệt sĩ: LÊ VĂN ĐỀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 10 năm 1953
Số bằng: ZT 772 bp Quyết định số: 125/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1960
- 808 **Liệt sĩ: LÊ ĐỨC Ý**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HI 798 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1974
- 809 **Liệt sĩ: LÊ VĂN AN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 3 năm 1951
Số bằng: ZT 848 bp Quyết định số: 125/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1960
- 810 **Liệt sĩ: LÊ VĂN LIÊU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1970
Số bằng: UL 186 bm Quyết định số: 225/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 811 **Liệt sĩ: LÊ VĂN UÔN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 2 năm 1952
Số bằng: ZT 886 bp Quyết định số: 125/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1960
- 812 **Liệt sĩ: LÊ ĐỨC PÙNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1973
Số bằng: PL 549 bm Quyết định số: 394/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1975
- 813 **Liệt sĩ: LƯƠNG TRỌNG BẰNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1974
Số bằng: OT 528 bm Quyết định số: 105/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1975
- 814 **Liệt sĩ: HÀ VĂN ĐỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1969
Số bằng: HB 165 bm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973
- 815 **Liệt sĩ: VINH GOC BÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1969
Số bằng: PS 629 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

- 816 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HOM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1967
Số bằng: CM 231 bm Quyết định số: 35/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1968
- 817 Liệt sĩ: **LÒ VĂN Ờ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MG 395 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 818 Liệt sĩ: **LŨ ĐÌNH THỊ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1969
Số bằng: ĐB 116 bm Quyết định số: 387/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972
- 819 Liệt sĩ: **LÊ PHÚC QUÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HT 369 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1973
- 820 Liệt sĩ: **VI HỒNG SAO**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KS 791 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974
- 821 Liệt sĩ: **HÀ VĂN BIÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 8 năm 1981
Số bằng: Q 308 bt Quyết định số: 317/CTKT ngày 14 tháng 9 năm 1983
- 822 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LỜI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 5 năm 1980
Số bằng: 7AA 340 bt Quyết định số: 77/CTKT ngày 4 tháng 11 năm 1981
- 823 Liệt sĩ: **LÊ BẢO HOÀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1968
Số bằng: QM 778 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1969
- 824 Liệt sĩ: **LƯƠNG TRỌNG TƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1970
Số bằng: AR 667 bm Quyết định số: 145/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1971
- 825 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN DUYƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1969

Số bằng: QT 623 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1976

- 826 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NOONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1972
Số bằng: EP 824 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973
- 827 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN NGOAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1973
Số bằng: NL 318 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974
- 828 Liệt sĩ: **LƯƠNG XUÂN HOANH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HR 250 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973
- 829 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN TOÁN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1973
Số bằng: QK 916 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 29 tháng 1 năm 1976
- 830 Liệt sĩ: **VI VĂN ÂN**
Trợ lý tuyên huấn trung đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1970
Số bằng: VL 608 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 831 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MP 960 bm Quyết định số: 238/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1970
- 832 Liệt sĩ: **VI VĂN KHUNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1969
Số bằng: KX 516 bm Quyết định số: 71/TTga ngày 25 tháng 2 năm 1974
- 833 Liệt sĩ: **LÒ VĂN ÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1970
Số bằng: QT 558 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1976
- 834 Liệt sĩ: **LÒ VĂN CĂNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1968
Số bằng: UQ 010 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 835 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH PHÚC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 6 năm 1985
Số bằng: BD 021 bt Quyết định số: 176/CTKT ngày 25 tháng 6 năm 1986

836 Liệt sĩ: **LÒ VĂN ÚI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MZ 725 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

837 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHEN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9M 801 bt Quyết định số: 200/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

838 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TÁCH**

Trính trị viên huyện đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 1 năm 1952
Số bằng: ZT 872 bp Quyết định số: 125/TTg ngày 7 tháng 6 năm 1960

839 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THÂN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1969
Số bằng: UO 318 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

840 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN PHIÀ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1970
Số bằng: CD 864 bm Quyết định số: 209/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

841 Liệt sĩ: **HÀ VĂN MÙI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1969
Số bằng: AP 400 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

842 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LĨNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MZ 642 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

843 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LAI**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZT 810 bp Quyết định số: 125/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1960

844 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HOA**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1965
Số bằng: HZ 978 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966

- 845 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TUYỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1966
Số bằng: ZU 229 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1960
- 846 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DƯỠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 2 năm 1978
Số bằng: 8B 063 bt Quyết định số: 246/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1979
- 847 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9M 797 bm Quyết định số: 200/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980
- 848 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1970
Số bằng: UA 873 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977
- 849 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HỒNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1970
Số bằng: OV 810 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1975
- 850 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÁNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1972
Số bằng: AA 294 bm
- 851 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1965
Số bằng: BA 268 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 15 tháng 10 năm 1971
- 852 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1970
Số bằng: CQ 360 bm Quyết định số: 323/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1972
- 853 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUY**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1973
Số bằng: QV 712 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976
- 854 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIỚI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1969

Số bằng: LD 730 bm Quyết định số: 141/TTGa ngày 4 tháng 4 năm 1974

855 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC KHUYẾN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1968

Số bằng: ĐT 609 bm Quyết định số: 112/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1973

856 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH PHÚC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1978

Số bằng: 9N 182 bm Quyết định số: 249/TTGa ngày 7 tháng 4 năm 1980

857 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẢI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1978

Số bằng: 7L 030 bm Quyết định số: 1389/TTGa ngày 8 tháng 12 năm 1978

858 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẤN CỎ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1970

Số bằng: CP 583 bm Quyết định số: 297/TTGa ngày 22 tháng 7 năm 1972

859 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LANH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1972

Số bằng: PD 939 bm Quyết định số: 342/TTGa ngày 31 tháng 8 năm 1975

860 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC MÚNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1969

Số bằng: UQ 628 bm Quyết định số: 154/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977

861 Liệt sĩ: **HOÀNG MINH VINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1975

Số bằng: PR 023 bm Quyết định số: 342/TTGa ngày 31 tháng 8 năm 1975

862 Liệt sĩ: **NGUYỄN HÙNG MẠNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1968

Số bằng: UQ 550 bm Quyết định số: 178/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977

863 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC DÝ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1969

Số bằng: TY 811 bm Quyết định số: 230/TTGa ngày 1 tháng 4 năm 1977

864 Liệt sĩ: **BÙI VĂN KÍNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1954
Số bằng: HC 942 bp Quyết định số: 234/TTga ngày 6 tháng 0 năm 1972

865 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HUỆ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1968
Số bằng: AO 294 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1971

866 Liệt sĩ: **BÙI MẠNH BÀO**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1967
Số bằng: UG 885 bm Quyết định số: 239/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

867 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG ĐƯỜNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KL 065 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974

868 Liệt sĩ: **BÙI VĂN UYÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 3 năm 1951

Số bằng: ZQ 852 bp Quyết định số: 176/TTg ngày 4 tháng 5 năm 1959

869 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LƯU**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1972
Số bằng: UL 406 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

870 Liệt sĩ: **BÙI VĂN CẬN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7L 033 bt Quyết định số: 1389/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978

871 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUẤN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1971
Số bằng: HA 015 bm Quyết định số: 415/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1973

872 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN AN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Lý, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1971
Số bằng: PG 002 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 1 tháng 7 năm 1975

873 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HỌC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 11 năm 1981
Số bằng: D 560 bt Quyết định số: 051/CTKT ngày 18 tháng 2 năm 1983

- 874 **Liệt sĩ: TRẦN VIỆT CAO**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1970
 Số bằng: BP 016 bm Quyết định số: 54/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1972
- 875 **Liệt sĩ: VŨ QUỐC OANH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 2 năm 1971
 Số bằng: CR 926 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 4 tháng 11 năm 1972
- 876 **Liệt sĩ: LÊ TÙNG QUANG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1971
 Số bằng: KS 764 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974
- 877 **Liệt sĩ: NGUYỄN THỊ ẢNH**
 Xã viên hợp tác xã vận tải thuyền, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 9 năm 1967
 Số bằng: MM 249 cm Quyết định số: 352/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1974
- 878 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN KHẮC**
 Công an nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Lý, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1972
 Số bằng: GR 942 bm Quyết định số: 519/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973
- 879 **Liệt sĩ: TRỊNH ĐÌNH QUÝ**
 Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1974
 Số bằng: QT 639 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1976
- 880 **Liệt sĩ: NGUYỄN CHÍ CƯỜNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Anh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 10 năm 1966
 Số bằng: EA 019 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1973
- 881 **Liệt sĩ: BUI VĂN HƯỢC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1968
 Số bằng: PM 154 bm Quyết định số: 114/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1969
- 882 **Liệt sĩ: BUI VĂN MẠNH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1969
 Số bằng: RA 765 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976
- 883 **Liệt sĩ: NGUYỄN CHÍ LÝ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Anh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1968

Số bằng: QT 771 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

884 Liệt sĩ: **TRẦN TRUNG THÁI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tức Mạc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Hà, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 7 năm 1969

Số bằng: UO 290 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

885 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN NHẬT**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 12 năm 1986

Số bằng: CA 279 bt Quyết định số: 139/CTKT ngày 6 tháng 2 năm 1988

886 Liệt sĩ: **LƯU TRỌNG TRẮNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1969

Số bằng: UK 596 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1977

887 Liệt sĩ: **LƯU TRỌNG NHUẬN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1968

Số bằng: UR 055 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

888 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐẠI LỄ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1972

Số bằng: HT 345 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1973

889 Liệt sĩ: **BÙI KHẮC CHÂN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1966

Số bằng: CM 117 bm Quyết định số: 35/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1968

890 Liệt sĩ: **PHẠM THANH HUY**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1967

Số bằng: IM 223 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

891 Liệt sĩ: **PHẠM VIỆT TƯỜNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1972

Số bằng: SA 854 bm Quyết định số: 393/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

892 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÔN NHIỀU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1972

Số bằng: NL 334 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974

893 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN MAI**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Trạch, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 1 năm 1971
Số bằng: UQ 524 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

894 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ TIẾN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1971
Số bằng: YE 087 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

895 Liệt sĩ: **PHẠM TUẤN LAU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Tiến, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: EP 556 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973

896 Liệt sĩ: **ĐINH ĐĂNG ĐIỆN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1972
Số bằng: QT 745 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

897 Liệt sĩ: **BÙI QUANG HẢI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1973
Số bằng: KV 578 bm Quyết định số: 147/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

898 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG QUYỀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1972
Số bằng: PG 104 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 1 tháng 7 năm 1975

899 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGÁT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1971
Số bằng: NU 402 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 21 tháng 9 năm 1974

900 Liệt sĩ: **LƯU TRỌNG HIẾU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1967
Số bằng: QR 866 bm Quyết định số: 122/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976

901 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN TƯƠNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 4 năm 1968
Số bằng: EK 758 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

902 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN Ý**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1972
Số bằng: UP 276 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

- 903 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN TRUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1971
Số bằng: NA 813 bm Quyết định số: 307/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1974
- 904 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TỘI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1968
Số bằng: AP 429 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971
- 905 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1975
Số bằng: PĐ 898 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975
- 906 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÀM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 3 năm 1950
Số bằng: KC 223 bp Quyết định số: 485/TTga ngày 2 tháng 12 năm 1972
- 907 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN PHÚ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1967
Số bằng: IM 236 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968
- 908 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÁM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1968
Số bằng: UK 997 bm Quyết định số: 245/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 909 Liệt sĩ: **LÊ QUANG LAN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1970
Số bằng: HA 064 bm Quyết định số: 415/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1973
- 910 Liệt sĩ: **TRƯƠNG ĐÌNH LỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 10 năm 1951
Số bằng: XC 227 bp Quyết định số: 092/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1958
- 911 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KÝ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 2 năm 1953
Số bằng: ZQ 3,184 bp Quyết định số: 329/TTga ngày 1 tháng 9 năm 1959
- 912 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY TRÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Tiến, huyện Thạch Thành, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1972
Số bằng: KS 678 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

913 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRỊNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1972
Số bằng: UK 622 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1977

914 Liệt sĩ: **LÊ MINH THÀNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1975
Số bằng: UO 363 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

915 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC KHÁNH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Trạch, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GR 237 bm Quyết định số: 427/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

916 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN NGÔN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HP 527 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1974

917 Liệt sĩ: **LƯU QUANG THẮNG**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HT 565 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

918 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC THÔNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1970
Số bằng: UK 878 bm Quyết định số: 245/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

919 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH VĂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1967
Số bằng: QP 660 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976

920 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ ĐẠT**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1969
Số bằng: UP 428 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

921 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHỐT**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1972
Số bằng: SN 458 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

922 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC TÔN**

Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1972

Số bằng: LT 486 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1974

923 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN CANH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1962

Số bằng: DZ 459 bm Quyết định số: 287/TTga ngày 10 tháng 24 năm 1962

924 Liệt sĩ: **TRỊNH CHÍ CAO**

Cán bộ kỹ thuật ban xây dựng 67, Bộ GTVT, Nguyên quán: xã Thạch Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1970

Số bằng: EM 991 cm Quyết định số: 37/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

925 Liệt sĩ: **NGUYỄN HOÀNG ANH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1968

Số bằng: PM 175 bm Quyết định số: 114/TTga ngày 22 tháng 4 năm 1969

926 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁU**

Chính trị viên tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1968

Số bằng: HI 053 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973

927 Liệt sĩ: **LƯƠNG KHÁNH VĂN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1972

Số bằng: HR 494 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1973

928 Liệt sĩ: **ĐINH XUÂN TÂM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1968

Số bằng: UK 996 bm Quyết định số: 245/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

929 Liệt sĩ: **BÙI ĐÔNG Y**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1968

Số bằng: UP 277 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

930 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC QUÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1970

Số bằng: VO 121 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

931 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC THẮNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1973

Số bằng: UO 366 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

932 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC VINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1969

Số bằng: AG 534 bm Quyết định số: 67/TTga ngày 11 tháng 3 năm 1971

933 Liệt sĩ: **BÙI MINH NÔNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1972

Số bằng: HT 392 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1973

934 Liệt sĩ: **BÙI MINH THÔN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1972

Số bằng: 2Đ 638 bm Quyết định số: 1129/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977

935 Liệt sĩ: **BÙI TRỌNG NGHĨA**

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 3 năm 1982

Số bằng: AK 604 bt Quyết định số: 426/CTKT ngày 12 tháng 12 năm 1984

936 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BAN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 1 năm 1968

Số bằng: QM 729 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1969

937 Liệt sĩ: **BÙI VĂN DÀN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1975

Số bằng: 5G 010 bm Quyết định số: 425/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978

938 Liệt sĩ: **BÙI VĂN DƯỢC**

Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1970

Số bằng: HP 255 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

939 Liệt sĩ: **BÙI VĂN GIANG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 1 năm 1971

Số bằng: RA 659 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976

940 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MỪNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1953

Số bằng: EZ 488 bp Quyết định số: 142/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1963

941 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NHANH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
Số bằng: BG 218 bm Quyết định số: 13/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

942 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NHỎ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1970
Số bằng: QV 788 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976

943 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NHỎ**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 11 năm 1986

Số bằng: BQ 928 bt Quyết định số: 243/CTKT ngày 10 tháng 21 năm 1987

944 Liệt sĩ: **BÙI VĂN QUẬN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 1 năm 1971
Số bằng: RA 687 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976

945 Liệt sĩ: **BÙI VĂN QUÊ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 3 năm 1979

Số bằng: 9N 204 bt Quyết định số: 249/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

946 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TƯỜNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1969
Số bằng: UP 831 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

947 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TẬU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1975
Số bằng: RH 406 bm Quyết định số: 273/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1976

948 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THÔNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1969
Số bằng: UK 870 bm Quyết định số: 245/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

949 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THIẾT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MG 503 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

950 Liệt sĩ: **BÙI VĂN VÓN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 4 năm 1954

Số bằng: EZ 487 bp Quyết định số: 142/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1963

951 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC CÀNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1968

Số bằng: AP 248 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

952 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CẨM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1969

Số bằng: UQ 028 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

953 Liệt sĩ: **MAI VĂN TOÀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1968

Số bằng: AO 340 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1971

954 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC HỒ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1972

Số bằng: RA 719 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976

955 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG HỘI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1975

Số bằng: SE 598 bm Quyết định số: 396/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

956 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG TOÀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1972

Số bằng: KL 564 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

957 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN MIỀNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1968

Số bằng: NU 394 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 21 tháng 9 năm 1974

958 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN TƯƠNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1968

Số bằng: MG 466 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

959 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN THÌ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1968

Số bằng: BP 267 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1972

960 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN HUÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1967
Số bằng: MZ 625 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

961 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC THẢO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 3 năm 1971
Số bằng: BK 312 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

962 Liệt sĩ: **TRƯƠNG XUÂN CĂN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1972
Số bằng: PS 660 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

963 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN QUANG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1972
Số bằng: UH 525 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

964 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN QUẢN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1969
Số bằng: UH 488 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

965 Liệt sĩ: **HÀ CÔNG KHÁNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BF 299 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

966 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN NGÂN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LS 678 bm Quyết định số: 272/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974

967 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH CHUÔNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1970
Số bằng: NA 785 bm Quyết định số: 307/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1974

968 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HOÀNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1975
Số bằng: YV 091 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

969 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG ĐỊNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1971
Số bằng: UP 635 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

- 970 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH ĐÍCH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1968
Số bằng: UP 616 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 971 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH ĐÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1966
Số bằng: BF 263 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972
- 972 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THIỆP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1972
Số bằng: NL 379 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974
- 973 Liệt sĩ: **QUÁCH KIM NGỌC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1972
Số bằng: LK 764 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1974
- 974 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH TÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 4 năm 1982
Số bằng: D 594 bt Quyết định số: 051/CTKT ngày 18 tháng 2 năm 1983
- 975 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC CHỮ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1969
Số bằng: UH 800 bm Quyết định số: 116/TTga ngày 4 tháng 3 năm 1977
- 976 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN SƯỞNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1974
Số bằng: SE 632 bm Quyết định số: 396/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976
- 977 Liệt sĩ: **TRƯƠNG XUÂN MƯƠ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành,, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1973
Số bằng: OS 787 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1975
- 978 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN CẬY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1969
Số bằng: AV 472 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971
- 979 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN TỨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 9 năm 1982

Số bằng: AO 873 bt Quyết định số: 113/CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1984

- 980 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN HUÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HT 513 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973
- 981 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN KHÔI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NA 796 bm Quyết định số: 307/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1974
- 982 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LƯỢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1969
Số bằng: UL 379 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 983 Liệt sĩ: **BÙI VĂN CHUNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8O 468 bt Quyết định số: 509/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979
- 984 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN BÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1973
Số bằng: UG 811 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 985 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH VIỆT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 3 năm 1969
Số bằng: TK 180 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977
- 986 Liệt sĩ: **QUÁCH CAO SÁNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 1 năm 1952
Số bằng: ZP 277 bp Quyết định số: 001/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 987 Liệt sĩ: **BÙI THANH BÌNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1968
Số bằng: OP 305 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975
- 988 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN PHÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1971
Số bằng: QV 769 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976
- 989 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG TÚC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1968
Số bằng: BA 297 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 15 tháng 10 năm 1971

990 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN VẠN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1968
Số bằng: AP 480 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

991 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN NHI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1970
Số bằng: OV 910 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1975

992 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG HUY**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1970
Số bằng: NA 765 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1974

993 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THIỆU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BA 308 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 15 tháng 10 năm 1971

994 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NGỌ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 4 năm 1986
Số bằng: BQ 827 bt Quyết định số: 240/CTKT ngày 10 tháng 21 năm 1987

995 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐỨC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 4 năm 1985
Số bằng: BK 738 bt Quyết định số: 108/CTKT ngày 6 tháng 1 năm 1987

996 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HÙNG**

Chính trị viên tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 8X 613 bt Quyết định số: 740/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

997 Liệt sĩ: **LẠI TIÊN VỌNG**

Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1971
Số bằng: KS 696 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

998 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TUÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1972

Số bằng: HI 883 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1974

999 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XUÂN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1974

Số bằng: SA 959 bm Quyết định số: 394/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

1000 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT XUÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 1 năm 1982

Số bằng: BB 786 bt Quyết định số: 83/CTKT ngày 3 tháng 9 năm 1986

1001 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN SINH**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Phượng, Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1972

Số bằng: QT 818 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

1002 Liệt sĩ: **TRƯƠNG THANH LỊCH**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1970

Số bằng: QT 775 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

1003 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MƠ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1972

Số bằng: HA 493 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

1004 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN HẢI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1969

Số bằng: BG 027 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

1005 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LÂM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1975

Số bằng: UL 052 bm Quyết định số: 151/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1006 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TỘC**

Công nhân ty GTVT Thanh Hoá, Nguyên quán: xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1968

Số bằng: CM 743 cm Quyết định số: 113/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1969

1007 Liệt sĩ: **BÙI MINH ĐỒNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1972

Số bằng: UP 552 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1008 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY CHẤT**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Đạt, huyện Hoằng Hóa, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1975
Số bằng: YD 130 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

1009 Liệt sĩ: **ĐẶNG XUÂN KHẢI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1971
Số bằng: UL 425 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1010 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN LƯ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1968
Số bằng: EO 017 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1973

1011 Liệt sĩ: **BÙI MINH HOẠT**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 8B 127 bt Quyết định số: 247/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1979

1012 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC LIÊN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1970
Số bằng: KL 149 bm Quyết định số: 142/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974

1013 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÀNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 8X 786 bt Quyết định số: 743/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

1014 Liệt sĩ: **LÊ MẠNH ĐẠT**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9R 462 bt Quyết định số: 493/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

1015 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIỂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1972
Số bằng: KO 405 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974

1016 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN TUYẾN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Trung, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1975
Số bằng: UP 867 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1017 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN HÀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1966
Số bằng: AM 043 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1967

1018 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN KHIỂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1967
Số bằng: CM 127 bm Quyết định số: 035/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1968

1019 Liệt sĩ: **MAI NHƯ QUẾ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 12 năm 1985

Số bằng: BK 776 bt Quyết định số: 108/CTKT ngày 6 tháng 1 năm 1987

1020 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG VÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1970

Số bằng: GR 889 bm Quyết định số: 519/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973

1021 Liệt sĩ: **BÙI THẾ KỶ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1974

Số bằng: UQ 241 bm Quyết định số: 223/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1022 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN HÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1970

Số bằng: RA 710 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976

1023 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN MÙI**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 4 năm 1978

Số bằng: 9Y 115 bt Quyết định số: 706/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1980

1024 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG THÀNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1972

Số bằng: NL 366 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974

1025 Liệt sĩ: **TRỊNH NGỌC NHÌ**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 3 năm 1979

Số bằng: 9R 742 bt Quyết định số: 516/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1980

1026 Liệt sĩ: **PHÙNG BÁ TUYẾT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 2 năm 1979

Số bằng: 8X 767 bt Quyết định số: 743/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

1027 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÚ LÂM**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1968

Số bằng: CQ 335 bm Quyết định số: 323/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1972

- 1028 Liệt sĩ: **NGUYỄN ANH THU**
Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1969
Số bằng: BP 150 bm Quyết định số: 54/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1972
- 1029 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TĂNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 8I 208 bm Quyết định số: 404/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1979
- 1030 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC MINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1972
Số bằng: VO 272 bm Quyết định số: 439/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1977
- 1031 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1972
Số bằng: UO 364 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 1032 Liệt sĩ: **BÙI HỒNG BÀNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HR 352 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1973
- 1033 Liệt sĩ: **BÙI THỨ LY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
Số bằng: QM 717 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1969
- 1034 Liệt sĩ: **BÙI MINH ĐẠO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1969
Số bằng: BG 160 bm Quyết định số: 13/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972
- 1035 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH DU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1973
Số bằng: TY 704 bm Quyết định số: 230/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 1036 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGÔI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhon Tây, huyện Hóc Môn, tỉnh Gia Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1965
Số bằng: 6N 625 bm Quyết định số: 1011/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978
- 1037 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NỘI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1971

Số bằng: NB 558 bm Quyết định số: 311/TTga ngày 18 tháng 6 năm 1974

1038 Liệt sĩ: **QUÁCH MINH THỊNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1969

Số bằng: ĐT 679 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1973

1039 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC DIỆN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968

Số bằng: MĐ 849 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970

1040 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ VANG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Tân, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1968

Số bằng: UK 266 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1041 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC UY**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thọ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1972

Số bằng: LT 550 bm Quyết định số: 336/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1974

1042 Liệt sĩ: **VŨ VĂN QUANG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Vinh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1968

Số bằng: YE 210 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

1043 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TRỌNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1968

Số bằng: UK 647 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1977

1044 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC HOA**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1969

Số bằng: YA 285 bm Quyết định số: 383/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

1045 Liệt sĩ: **BÙI MINH THẢ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1969

Số bằng: UO 274 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1046 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BIỂU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1972

Số bằng: KL 237 bm Quyết định số: 549/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1973

1047 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HI 708 bm Quyết định số: 02/TTGa ngày 3 tháng 1 năm 1974

1048 Liệt sĩ: **BÙI MINH THAO**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1969
Số bằng: BP 139 bm Quyết định số: 54/TTGa ngày 9 tháng 2 năm 1972

1049 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TÝ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1974
Số bằng: UP 947 bm Quyết định số: 184/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1977

1050 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9R 426 bt Quyết định số: 515/TTGa ngày 25 tháng 7 năm 1980

1051 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ÁI**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1968
Số bằng: UG 688 bm Quyết định số: 150/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977

1052 Liệt sĩ: **BÙI VĂN GIANG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1972
Số bằng: GC 227 bm Quyết định số: 251/TTGa ngày 21 tháng 6 năm 1973

1053 Liệt sĩ: **BÙI DUY DUNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HP 250 bm Quyết định số: 14/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1974

1054 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN NIÊN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1973
Số bằng: PG 099 bm Quyết định số: 250/TTGa ngày 1 tháng 7 năm 1975

1055 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC THUẬN**

Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7L 365 bt Quyết định số: 1473/TTGa ngày 25 tháng 12 năm 1978

1056 Liệt sĩ: **VŨ VĂN MÃO**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1975
Số bằng: PH 830 bm Quyết định số: 281/TTGa ngày 22 tháng 7 năm 1975

1057 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHI HOÀNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1972
Số bằng: PH 868 bm Quyết định số: 293/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1975

1058 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NHI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1970
Số bằng: NB 585 bm Quyết định số: 311/TTga ngày 18 tháng 6 năm 1974

1059 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ QUY**

Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KM 526 cm Quyết định số: 207/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1973

1060 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TƯ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LT 494 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1974

1061 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỊNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1970
Số bằng: BK 310 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

1062 Liệt sĩ: **LÊ THANH BÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 7L 023 bt Quyết định số: 1389/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978

1063 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 8 năm 1972
Số bằng: SN 696 bm Quyết định số: 520/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

1064 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BẢY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1965
Số bằng: HZ 973 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966

1065 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH HIỀN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 1 năm 1968
Số bằng: HP 289 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

1066 Liệt sĩ: **BÙI VĂN CHUNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7L 061 bt Quyết định số: 1389/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978

- 1067 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NHƯỞNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 12 năm 1968
Số bằng: VT 750 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 1068 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐỨC XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HP 504 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974
- 1069 **Liệt sĩ: LÊ DUY HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7L 154 bt Quyết định số: 1505/TTga ngày 29 tháng 12 năm 1978
- 1070 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TUYẾT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1971
Số bằng: OG 785 bm Quyết định số: 617/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974
- 1071 **Liệt sĩ: HOÀNG KHẮC HOÀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 1 năm 1986
Số bằng: BK 643 bt Quyết định số: 79/CTKT ngày 6 tháng 5 năm 1987
- 1072 **Liệt sĩ: NGUYỄN XUÂN THỐNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 8O 772 bt Quyết định số: 506/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979
- 1073 **Liệt sĩ: LÊ XUÂN LĂNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1973
Số bằng: VT 796 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 1074 **Liệt sĩ: LÊ NGỌC TOÀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1970
Số bằng: EQ 160 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973
- 1075 **Liệt sĩ: LÊ ĐÌNH CHUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9M 711 bt Quyết định số: 220/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980
- 1076 **Liệt sĩ: LÊ NGỌC ĐỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 3 năm 1986
Số bằng: BK 692 bt Quyết định số: 108/CTKT ngày 3 tháng 6 năm 1987

- 1077 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GAN**
Thượng binh 4/4, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 04 năm 2002
Số bằng: GK 995 bt Quyết định số: 456/TTga ngày 12 tháng 05 năm 2004
- 1078 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGUỒNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1969
Số bằng: YV 139 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 1079 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN ĐỨC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KD 340 bm Quyết định số: 509/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973
- 1080 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT CHÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1968
Số bằng: HB 153 bm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973
- 1081 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN NGHĨA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 4 năm 1972
Số bằng: GR 190 bm Quyết định số: 427/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973
- 1082 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN HIỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1969
Số bằng: NV 060 bm Quyết định số: 438/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1974
- 1083 Liệt sĩ: **PHẠM MINH SƠN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 3 năm 1980
Số bằng: 8AA 210 bt Quyết định số: 43/CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982
- 1084 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN Y**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HI 919 bm Quyết định số: 574/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973
- 1085 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HÌNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1969
Số bằng: YA 270 bm Quyết định số: 383/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977
- 1086 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN HUY**
Công nhân ban công tác miền tây, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1966

Số bằng: AM 390 cm Quyết định số: 35/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1968

1087 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH ĐẮC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Yên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 8 năm 1946

Số bằng: DE 029 bp Quyết định số: 165/CTKT ngày 1 tháng 9 năm 1992

1088 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CỐC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1966

Số bằng: IZ 344 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 11 tháng 23 năm 1966

1089 Liệt sĩ: **HÀ TRỌNG THÀNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1974

Số bằng: PL 578 bm Quyết định số: 394/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1975

1090 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC SÁNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1975

Số bằng: QĐ 253 bm Quyết định số: 474/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1975

1091 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐĂNG THẮNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1970

Số bằng: UO 368 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1092 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC ĐỒNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thái, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1967

Số bằng: PK 736 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975

1093 Liệt sĩ: **KHÔNG VĂN NHÂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Minh, huyện Kim Anh, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1968

Số bằng: QM 205 bm Quyết định số: 161/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1969

1094 Liệt sĩ: **BÙI QUANG PHI**

Chính trị viên trung đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1971

Số bằng: GX 355 bm Quyết định số: 433/TTga ngày 4 tháng 10 năm 1973

1095 Liệt sĩ: **BÙI VĂN PHƯƠNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1969

Số bằng: LH 128 bm Quyết định số: 104/TTga ngày 14 tháng 3 năm 1974

1096 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÓN**

- Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1971
Số bằng: HB 256 bm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973
- 1097 Liệt sĩ: **CAO MINH DƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1972
Số bằng: LK 597 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974
- 1098 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHUYÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1973
Số bằng: UQ 378 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977
- 1099 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MÃO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1973
Số bằng: YE 304 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977
- 1100 Liệt sĩ: **PHẠM VƯƠNG TRỤ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1971
Số bằng: EP 545 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973
- 1101 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THỊNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1975
Số bằng: SE 811 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976
- 1102 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SÁU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1967
Số bằng: EM 793 bm Quyết định số: 102/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1968
- 1103 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN LÝ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1972
Số bằng: NB 605 bm Quyết định số: 311/TTga ngày 18 tháng 6 năm 1974
- 1104 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NGỌC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1975
Số bằng: 7L 231 bm Quyết định số: 1505/TTga ngày 29 tháng 12 năm 1978
- 1105 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BẢO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1969
Số bằng: VL 638 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

- 1106 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1967
Số bằng: CĐ 558 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972
- 1107 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BẦY**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7L 019 bt Quyết định số: 1389/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978
- 1108 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN LÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1969
Số bằng: BG 045 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1970
- 1109 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NIÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1975
Số bằng: 6N 613 bm Quyết định số: 1011/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978
- 1110 Liệt sĩ: **BÙI HOÀNG NAM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MG 638 bm Quyết định số: 67/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 1111 Liệt sĩ: **PHẠM CHÍ LƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1968
Số bằng: VT 858 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 1112 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1973
Số bằng: KL 379 bm Quyết định số: 566/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973
- 1113 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC THẠCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1972
Số bằng: ST 070 bm Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977
- 1114 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG BUM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1972
Số bằng: GĐ 100 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973
- 1115 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ÚT**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoà Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 5G 500 bm Quyết định số: 612/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1978

- 1116 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DỤC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1972
Số bằng: VL 583 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 1117 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC NĂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HP 401 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974
- 1118 Liệt sĩ: **LÒ HUY CÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1970
Số bằng: GX 766 bm Quyết định số: 486/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973
- 1119 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1975
Số bằng: SE 774 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976
- 1120 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG DỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 8 năm 1978
Số bằng: S 852 bt Quyết định số: 397/CTKT ngày 9 tháng 11 năm 1983
- 1121 Liệt sĩ: **PHẠM DŨNG THUỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1967
Số bằng: GM 027 bm Quyết định số: 97/TTga ngày 4 tháng 6 năm 1968
- 1122 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SĨ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1976
Số bằng: UP 112 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 1123 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HIỀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1970
Số bằng: BG 033 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971
- 1124 Liệt sĩ: **LÊ THÁI NGUYỆT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1970
Số bằng: GX 626 bm Quyết định số: 486/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973
- 1125 Liệt sĩ: **BÙI THANH DŨNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1970

Số bằng: HI 995 bm Quyết định số: 574/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

1126 Liệt sĩ: **BÙI VĂN KHÂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1969

Số bằng: 5S 411 bm Quyết định số: 1032/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

1127 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NGỌC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1969

Số bằng: 6N 621 bm Quyết định số: 1011/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

1128 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TẢO**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 11 năm 1974

Số bằng: VA 030 bm Quyết định số: 181/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1129 Liệt sĩ: **LÊ BÁ ĐĂNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1968

Số bằng: AĐ 033 bm Quyết định số: 24/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1971

1130 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Cường, huyện ý Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1968

Số bằng: YA 322 bm Quyết định số: 383/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

1131 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG THANH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1968

Số bằng: YG 036 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

1132 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN PHÚC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1970

Số bằng: HP 419 bm Quyết định số: 16 TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

1133 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN VƯỢNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 9 năm 1981

Số bằng: AK 559 bt Quyết định số: 426/CTKT ngày 12 tháng 12 năm 1984

1134 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HY**

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Lập, huyện Cà Rây Veng, tỉnh Trà Keo, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1965

Số bằng: 7L 969 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1979

1135 Liệt sĩ: **BÙI HỒNG AN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HI 932 bm Quyết định số: 574/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

1136 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THÁI**

, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1967
Số bằng: IM 279 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

1137 Liệt sĩ: **LÊ QUỐC HUY**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1969
Số bằng: SS 405 bm Quyết định số: 1032/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

1138 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐẬU**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9M 761 bt Quyết định số: 200/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

1139 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LƯU**

Chính trị viên phó tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1972
Số bằng: GĐ 149 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973

1140 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN HIỀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1971
Số bằng: 6N 668 bm Quyết định số: 1011/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

1141 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÝ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1971
Số bằng: ES 509 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1973

1142 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG MINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 8 năm 1953
Số bằng: EZ 770 bp Quyết định số: 219/TTga ngày 11 tháng 27 năm 1963

1143 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HÓA**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HT 494 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

1144 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TINH**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1967
Số bằng: UP 712 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

- 1145 Liệt sĩ: **PHẠM MINH HỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 1 năm 1965
Số bằng: HZ 211 bm Quyết định số: 91/TTga ngày 6/ tháng /1 năm 1965
- 1146 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC LƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1972
Số bằng: EP 567 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973
- 1147 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CẢNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NA 694 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1974
- 1148 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LIÊN**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1975
Số bằng: VT 815 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 1149 Liệt sĩ: **PHẠM HOÀNG VUI**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hoà, Sóc Dải, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 5S 002 bm Quyết định số: 612/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1978
- 1150 Liệt sĩ: **TẠ THANH SON**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1967
Số bằng: YE 277 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977
- 1151 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XÊ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1963
Số bằng: 6N 655 bm Quyết định số: 1011/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978
- 1152 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỘ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, trấn Văn Thờ, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972
Số bằng: 2Đ 948 bm Quyết định số: 1187/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977
- 1153 Liệt sĩ: **VÕ HỒNG VÀNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Gòa, huyện Gò Vấp, Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1963
Số bằng: YE 129 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 1154 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHƯ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hậu, huyện Cần Giộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1967

Số bằng: QM 747 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1969

1155 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÁI HÙNG**

Chuẩn uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Toàn, huyện Cầu Ngang, tỉnh Cửu Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1966

Số bằng: 5S 401 bm Quyết định số: 1008/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

1156 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Bài, Thủ Dầu Một, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1969

Số bằng: 5S 456 bm Quyết định số: 1032/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

1157 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÔNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Hóc Môn, tỉnh Gia Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1968

Số bằng: VL 654 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

1158 Liệt sĩ: **VŨ VĂN NHI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 12 năm 1971

Số bằng: YV 129 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

1159 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH LAI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1968

Số bằng: YV 109 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

1160 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH LOẠI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1971

Số bằng: HP 371 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

1161 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 7 năm 1978

Số bằng: 8O 436 bt Quyết định số: 509/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979

1162 Liệt sĩ: **HÀ VĂN PHƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1966

Số bằng: IZ 391 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1966

1163 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐÔNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1973

Số bằng: UP 361 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1164 Liệt sĩ: **PHẠM THỨC LỰA**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc,

tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1972
Số bằng: HT 562 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

1165 Liệt sĩ: **CAO HỒNG NHIỀU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1971
Số bằng: EQ 218 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973

1166 Liệt sĩ: **CAO NGỌC KHAY**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KD 516 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973

1167 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỨC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LK 628 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

1168 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUY**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HA 392 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

1169 Liệt sĩ: **PHẠM QUÝ VIÊN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1970
Số bằng: HP 488 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

1170 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN THẮNG**

Binh nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1968
Số bằng: BF 190 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

1171 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH VIỆN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 10 năm 1982
Số bằng: AB 627 bt Quyết định số: 188/CTKT ngày 6 tháng 6 năm 1984

1172 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC A**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1972
Số bằng: OK 004 bm Quyết định số: 616/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974

1173 Liệt sĩ: **PHẠM THÁI VÂY**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NB 536 bm Quyết định số: 311/TTga ngày 18 tháng 6 năm 1974

1174 Liệt sĩ: **PHẠM THÚC LÝ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1974
Số bằng: QO 177 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976

1175 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HỘ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1969
Số bằng: AS 536 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971

1176 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TRUNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 12 năm 1979
Số bằng: 1AA 633 bt Quyết định số: 06/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1981

1177 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC HOA**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 6 năm 1981
Số bằng: M 935 bt Quyết định số: 216/CTKT ngày 15 tháng 6 năm 1982

1178 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN HUỆ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1968
Số bằng: YA 304 bm Quyết định số: 383/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

1179 Liệt sĩ: **CAO XUÂN THÁI**

Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1974
Số bằng: YG 005 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

1180 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CÂY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 9M 661 bt Quyết định số: 220/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

1181 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1969
Số bằng: AP 409 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

1182 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HIỀN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1968
Số bằng: YA 263 bm Quyết định số: 383/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

1183 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HIỀN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuỷ Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LK 653 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

- 1184 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1972
Số bằng: GD 078 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973
- 1185 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuỷ Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1970
Số bằng: EQ 180 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973
- 1186 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1966
Số bằng: 8I 257 bm Quyết định số: 404/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1979
- 1187 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1966
Số bằng: ZQ 3,200 bm Quyết định số: 329/TTg ngày 1 tháng 9 năm 1959
- 1188 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MG 109 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 1189 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG TÔN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NA 595 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1974
- 1190 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THẬN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1972
Số bằng: HI 889 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1974
- 1191 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC CẢNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 2 năm 1979
Số bằng: D 537 bt Quyết định số: 051/CTKT ngày 18 tháng 2 năm 1983
- 1192 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH THƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1972
Số bằng: UO 241 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 1193 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐƯỜNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1972

Số bằng: LK 636 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

1194 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÌNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1971

Số bằng: GC 144 bm Quyết định số: 251/TTga ngày 21 tháng 6 năm 1973

1195 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỰA**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1970

Số bằng: YE 009 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1196 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỨ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1970

Số bằng: EQ 173 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973

1197 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUYỀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1966

Số bằng: CM 176 bm Quyết định số: 035/TTga ngày 3/ tháng /1 năm 1968

1198 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUYỀN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuỷ Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1968

Số bằng: YE 231 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

1199 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUYẾT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1974

Số bằng: UH 611 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1200 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THỨC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1968

Số bằng: SN 524 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

1201 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH CHUYỀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1972

Số bằng: GC 199 bm Quyết định số: 251/TTga ngày 21 tháng 6 năm 1973

1202 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC VIỄN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Vinh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 12 năm 1951

Số bằng: HE 912 bp Quyết định số: 1471/TTga ngày 08 tháng 11 năm 2006

1203 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1968
Số bằng: SM 143 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

1204 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1967
Số bằng: EM 853 bm Quyết định số: 102/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1968

1205 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BỊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1971
Số bằng: NV 115 bm Quyết định số: 429/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1974

1206 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 1 năm 1971
Số bằng: NV 013 bm Quyết định số: 438/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1974

1207 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1965
Số bằng: HZ 214 bm Quyết định số: 91/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1965

1208 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VUI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1966
Số bằng: AM 072 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 1 tháng 9 năm 1967

1209 Liệt sĩ: **PHẠM MINH KỶ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1968
Số bằng: NO 980 bm Quyết định số: 438/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1974

1210 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THUẬN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1971
Số bằng: HP 601 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1974

1211 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BẠO**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1969
Số bằng: AS 658 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971

1212 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHÚC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1968
Số bằng: MĐ 829 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970

- 1213 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC KIỂM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1970
Số bằng: HP 326 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974
- 1214 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DŨNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 6 năm 1981
Số bằng: AB 473 bt Quyết định số: 188/CTKT ngày 6 tháng 6 năm 1984
- 1215 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGOAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1969
Số bằng: BA 769 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971
- 1216 Liệt sĩ: **CAO VIỆT LOAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HP 372 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974
- 1217 Liệt sĩ: **LÊ HOÀN LỰC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BF 134 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 1218 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN CHÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GR 140 bm Quyết định số: 427/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973
- 1219 Liệt sĩ: **BÙI TÂN CƯƠNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1971
Số bằng: VL 698 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 1220 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CÚC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1972
Số bằng: LS 555 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1974
- 1221 Liệt sĩ: **MAI VĂN NGÀ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 7L 224 bt Quyết định số: 1505/TTga ngày 29 tháng 12 năm 1978
- 1222 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XUÂN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KS 832 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 16 tháng 4 năm 1974

- 1223 Liệt sĩ: **PHẠM THANH SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1972
Số bằng: UP 216 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 1224 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1968
Số bằng: BG 017 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971
- 1225 Liệt sĩ: **PHẠM LÝ NA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1969
Số bằng: AV 689 bm Quyết định số: 271/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971
- 1226 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỌ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1970
Số bằng: HB 252 bm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973
- 1227 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thọ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1973
Số bằng: YA 320 bm Quyết định số: 383/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977
- 1228 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VƯỢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1965
Số bằng: HZ 215 bm Quyết định số: 91/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1965
- 1229 Liệt sĩ: **VÕ NGỌC QUÝ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QP 632 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976
- 1230 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân An, huyện Cửu Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1964
Số bằng: 6N 632 bm Quyết định số: 1011/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978
- 1231 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN BEO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Trị Đông, huyện Chợ Lớn, tỉnh Gia Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1964
Số bằng: 5S 340 bm Quyết định số: 1008/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978
- 1232 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN THỨ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1967

Số bằng: IM 285 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

1233 Liệt sĩ: **BÙI VĂN PHÚC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 7 năm 1982

Số bằng: AC 406 bt Quyết định số: 213/CTKT ngày 20 tháng 6 năm 1984

1234 Liệt sĩ: **BÙI VĂN VƯỢNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1966

Số bằng: RH 314 bm Quyết định số: 273/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1976

1235 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN MUỘN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1970

Số bằng: CĐ 700 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

1236 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN CHỨC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1968

Số bằng: LM 097 bm Quyết định số: 217/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1968

1237 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN HIỂM**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1972

Số bằng: HR 243 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

1238 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN VIỆT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1972

Số bằng: KL 646 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

1239 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN NHUNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 8 năm 1972

Số bằng: KS 718 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

1240 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN LÝ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1972

Số bằng: HP 363 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

1241 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN THỨC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1970

Số bằng: EQ 184 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973

1242 Liệt sĩ: **ĐINH CÔNG NHƯỜNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1968
Số bằng: AV 715 bm Quyết định số: 271/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

- 1243 Liệt sĩ: **ĐINH THẾ HÙNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1972
Số bằng: HT 510 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973
- 1244 Liệt sĩ: **ĐINH NGỌC MINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AV 727 bm Quyết định số: 271/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971
- 1245 Liệt sĩ: **QUÁCH THANH NGHỊ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 1AA 559 bt Quyết định số: 06/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1981
- 1246 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN QUẢNG**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1972
Số bằng: 5S 459 bm Quyết định số: 1032 TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978
- 1247 Liệt sĩ: **BÙI VĂN SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1967
Số bằng: EM 805 bm Quyết định số: 102/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1968
- 1248 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NĂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1966
Số bằng: IZ 379 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1966
- 1249 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGÀ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1974
Số bằng: UA 796 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977
- 1250 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TRINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1966
Số bằng: RH 645 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1976
- 1251 Liệt sĩ: **PHẠM HÙNG UY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1969
Số bằng: ST 003 bm Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

- 1252 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SOẠN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1970
Số bằng: AS 587 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971
- 1253 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGUYỄN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1967
Số bằng: BL 554 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 25 tháng 1 năm 1972
- 1254 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHÂU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 11 năm 1978
Số bằng: 9R 390 bt Quyết định số: 515/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1980
- 1255 Liệt sĩ: **PHẠM THỨC TÂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1971
Số bằng: UP 658 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 1256 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÀO GIAO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1971
Số bằng: UK 553 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1977
- 1257 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TƯỜNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 5 năm 1986
Số bằng: CA 317 bt Quyết định số: 139/CTKT ngày 6 tháng 2 năm 1988
- 1258 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BẦY**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 9 năm 1977
Số bằng: 8B 014 bt Quyết định số: 246/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1979
- 1259 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN GIÁ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1967
Số bằng: IM 286 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968
- 1260 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MÃO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1970
Số bằng: EK 721 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973
- 1261 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1966

Số bằng: OM 882 bm Quyết định số: 112/TTGa ngày 16 tháng 7 năm 1969

1262 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN TÍNH**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1968

Số bằng: 2Đ 563 bm Quyết định số: 1130/TTGa ngày 7 tháng 10 năm 1977

1263 Liệt sĩ: **BÙI VĂN SÁU**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1971

Số bằng: SN 493 bm Quyết định số: 521/TTGa ngày 17 tháng 11 năm 1976

1264 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LÝ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1971

Số bằng: HP 364 bm Quyết định số: 14/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1974

1265 Liệt sĩ: **BÙI VĂN CHÍNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1969

Số bằng: BF 240 bm Quyết định số: 11/TTGa ngày 6 tháng 1 năm 1972

1266 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BẢY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1966

Số bằng: AM 917 bm Quyết định số: 108/TTGa ngày 6 tháng 2 năm 1967

1267 Liệt sĩ: **BÙI VĂN VY**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1970

Số bằng: 6N 692 bm Quyết định số: 1011/TTGa ngày 6 tháng 9 năm 1978

1268 Liệt sĩ: **ĐÌNH NGỌC NINH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1972

Số bằng: 6N 614 bm Quyết định số: 1011/TTGa ngày 6 tháng 9 năm 1978

1269 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HOẠCH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1969

Số bằng: KO 511 bm Quyết định số: 45/TTGa ngày 1 tháng 2 năm 1974

1270 Liệt sĩ: **LÊ THẾ ĐỨC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 2 năm 1985

Số bằng: BB 373 bt Quyết định số: 103/CTKT ngày 4 tháng 6 năm 1986

1271 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG PHƯỢNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh

- Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1968
Số bằng: MĐ 936 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970
- 1272 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG SÁU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1968
Số bằng: MG 132 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 1273 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG CẨM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 2 năm 1981
Số bằng: DD 592 bt Quyết định số: 158/CTKT ngày 8 tháng 8 năm 1992
- 1274 Liệt sĩ: **PHẠM THỨC KỶ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1968
Số bằng: MG 096 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 1275 Liệt sĩ: **TRỊNH DUY XUÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KD 447 bm Quyết định số: 509/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973
- 1276 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN QUÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1970
Số bằng: CĐ 632 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972
- 1277 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN KHUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1973
Số bằng: KL 390 bm Quyết định số: 566/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973
- 1278 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN THỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MG 147 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 1279 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG KHÔI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1971
Số bằng: QR 717 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 25 tháng 3 năm 1976
- 1280 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG NHA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1968
Số bằng: SM 116 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969
- 1281 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC BIÊN**